**PHỤ LỤC 3**

**Phương án cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên ngành nghề/ điều kiện kinh doanh** | **Nội dung quy định về điều kiện kinh doanh** | | **Căn cứ pháp lý** | **Phương án cắt giảm, đơn giản hóa** |
| **I** | **LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ** | | | | |
| **1** | **Kinh doanh vận tải đường bộ** | | |  |  |
| ***1.1*** | ***Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô*** | | |  |  |
|  | Điều kiện chung | 1. Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật | | Điểm a khoản 1 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ |  |
|  | Điều kiện về tài chính, năng lực sản xuất | 2. Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh;phương tiện kinh doanh vận tải phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe  3. Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.  Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;  4. Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường. | | Điểm b khoản 1 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ  Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP  Điểm đ khoản 1 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ | * Bỏ điểm b khoản 1 Điều 67 Luật GTĐB   - Bỏ điểm đ khoản 1 Điều 67 Luật GTĐB |
|  |  | 5. Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:  a) Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;  b) Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét. | | Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | 6. Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật  7. Người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã phải có trình độ chuyên môn về vận tải; | | Điểm c khoản 1 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ  Điểm d khoản 1 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ | - Bỏ điểm c khoản 1 Điều 67 Luật GTĐB  - Bỏ điểm d khoản 1 Điều 67 Luật GTĐB |
| ***1.2*** | ***Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định*** | | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | 1. Phải là doanh nghiệp, hợp tác xã | | Khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ |  |
|  | Điều kiện về phương tiện | 2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe)  3. Có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống; | | Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | 4. Có bộ phận quản lý các điều kiện về an toàn giao thông | | Điểm b khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ |  |
|  | Điều kiện khác | 5. Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai | | Điểm c khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ | - Bỏ điểm c khoản 2 Điều 67 Luật GTĐB |
| ***1.3*** | ***Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt*** | | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | 1. Phải là doanh nghiệp, hợp tác xã | | Khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ |  |
|  | Điều kiện về phương tiện | 2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất); | | Điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | 4. Có bộ phận quản lý các điều kiện về an toàn giao thông | | Điểm b khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ |  |
|  | Điều kiện khác | 5. Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai | | Điểm c khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ | - Bỏ điểm c khoản 2 Điều 67 Luật GTĐB |
| ***1.4*** | ***Kinh doanh vận tải bằng xe taxi*** | | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | 1. Phải là doanh nghiệp, hợp tác xã | | Khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ |  |
|  | Điều kiện về phương tiện | 1. Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái)  2. Có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất)  3. Không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi | | Điểm d khoản 1 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | 4. Có bộ phận quản lý các điều kiện về an toàn giao thông | | Điểm b khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ |  |
|  | Điều kiện khác | 5. Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai | | Điểm c khoản 2 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ | - Bỏ điểm c khoản 2 Điều 67 Luật GTĐB |
| ***1.5*** | ***Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô*** | | |  |  |
|  | Điều kiện chung | 1. Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất). | | Điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP |  |
|  |  | 2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống. Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất). | | Điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP |  |
| ***1.6*** | ***Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô*** | | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | Chỉ các doanh nghiệp, hợp tác xã mới được kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ | | Khoản 3 Điều 67 Luật Giao thông đường bộ |  |
|  | Điều kiện về phương tiện | 1. Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.  Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã. | | Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP |  |
|  |  | 2. Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:  a) Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;  b) Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét. | | Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP |  |
| **2** | **Kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô** | | |  |  |
|  |  | **19 điều kiện** | |  |  |
|  | Điều kiện chung | 1. Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. | | Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018) | - Cắt giảm đk 1: hiện nay đã bỏ đk này tại dự thảo Luật GTĐB (sửa đổi) |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | 2. Hệ thống phòng học chuyên môn bao gồm các phòng học lý thuyết và phòng học thực hành, bảo đảm số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với quy mô đào tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;  3. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô với lưu lượng 500 học viên trở lên phải có ít nhất 02 phòng học Pháp luật giao thông đường bộ và 02 phòng học Kỹ thuật lái xe; với lưu lượng 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 03 phòng học Pháp luật giao thông đường bộ và 03 phòng học Kỹ thuật lái xe;  4. Phòng học Pháp luật giao thông đường bộ: Có thiết bị nghe nhìn (màn hình, máy chiếu), tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình;  5. Phòng học Cấu tạo và sửa chữa thông thường: Có mô hình cắt bổ động cơ, hệ thống truyền lực; mô hình hệ thống điện; hình hoặc tranh vẽ sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống truyền lực, hệ thống treo, hệ thống phanh, hệ thống lái;  6. Phòng học Kỹ thuật lái xe: Có phương tiện nghe nhìn phục vụ giảng dạy (băng đĩa, đèn chiếu...); có hình hoặc tranh vẽ mô tả các thao tác lái xe cơ bản (điều chỉnh ghế lái, tư thế ngồi lái, vị trí cầm vô lăng lái...); có xe ô tô được kê kích bảo đảm an toàn để tập số nguội, số nóng (có thể bố trí ở nơi riêng biệt); có thiết bị mô phòng để đào tạo lái xe;  7. Phòng học Nghiệp vụ vận tải: Có hệ thống bảng, biểu phục vụ giảng dạy nghiệp vụ chuyên môn về vận tải hàng hoá, hành khách; có các tranh vẽ ký hiệu trên kiện hàng;  8. Phòng học Thực tập bảo dưỡng sửa chữa: Có hệ thống thông gió và chiếu sáng, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động; nền nhà không rạn nứt, không trơn trượt; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để bảo dưỡng sửa chữa; có tổng thành động cơ hoạt động tốt, hệ thống truyền động, hệ thống lái, hệ thống điện; có bàn tháo lắp, bảng, bàn ghế cho giảng dạy, thực tập;  9. Có xe tập lái các hạng được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;  10. Xe thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng;  11. Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;  12. Sân tập lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe;  13. Cơ sở đào tạo lái xe ô tô có lưu lượng đào tạo 1.000 học viên trở lên phải có ít nhất 02 sân tập lái xe theo quy định;  14. Sân tập lái xe ô tô phải có đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo; kích thước các hình tập lái phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đối với từng hạng xe tương ứng;  15. Mặt sân có cao độ và hệ thống thoát nước bảo đảm không bị ngập nước; bề mặt các làn đường và hình tập lái được thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đủ vạch sơn kẻ đường; hình các bài tập lái xe ô tô phải được bó vỉa;  16.Có nhà chờ, có ghế ngồi cho học viên học thực hành;  17. Diện tích tối thiểu của sân tập lái: Hạng B1 và B2 là 8.000 m2; hạng B1, B2 và C là 10.000 m2; hạng B1, B2, C, D, E và F là 14.000 m2. | | Điều 6 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | 18. Có đội ngũ giáo viên dạy lý thuyết, thực hành đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Nghị định này.  19. Đảm bảo có ít nhất 01 giáo viên dạy thực hành lái xe trên 01 xe tập lái. | | Điều 7 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018) |  |
| **3** | **Kinh doanh dịch vụ sát hạch lái xe** | | |  |  |
|  |  | **7 điều kiện** | |  |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | 1. Diện tích trung tâm sát hạch lái xe: Trung tâm loại 1 có diện tích không nhỏ hơn 35.000 m2; trung tâm loại 2 có diện tích không nhỏ hơn 20.000 m2; trung tâm loại 3 có diện tích không nhỏ hơn 4.000 m2;  2. Số lượng xe cơ giới dùng để sát hạch: Sát hạch lái xe trong hình hạng A1, B1, B2 và C tối thiểu mỗi hạng 02 xe, các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe và không được sử dụng vào mục đích kinh doanh khác; sát hạch lái xe trên đường tối thiểu mỗi hạng 01 xe. Xe sát hạch lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch lái xe.  3. Thiết bị sát hạch lý thuyết: Tối thiểu 02 máy chủ (server); tối thiểu 10 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 3, tối thiểu 20 máy trạm đối với trung tâm sát hạch lái xe loại 1 hoặc loại 2;  4. Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình: Tối thiểu 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch đối với mỗi loại trung tâm sát hạch;  5. Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường: Có ít nhất 02 máy tính cài đặt phần mềm điều hành và quản lý sát hạch, 01 máy tính làm chức năng máy chủ và điều hành có đường thuê bao riêng và địa chỉ IP tĩnh.  6. Thiết bị mô phỏng để sát hạch lái xe: Có ít nhất 01 thiết bị được cài đặt phần mềm sát hạch lái xe mô phỏng do Bộ Giao thông vận tải quy định.  7. Trung tâm sát hạch phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành gồm: Làn đường, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ, vạch giới hạn, vỉa hè hình sát hạch, cọc chuẩn và hình các bài sát hạch trong sân sát hạch; xe cơ giới dùng để sát hạch; thiết bị sát hạch lý thuyết; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình; thiết bị sát hạch thực hành lái xe trên đường; nhà điều hành và công trình phụ trợ khác. | | Điều 18 Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018) |  |
| 4 | **Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông** | | |  |  |
|  |  | **4 điều kiện** | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | 1. Là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật. | | Khoản 1 Điều 12a Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 ( được sửa đổi bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2018 và Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | 2. Về cơ sở vật chất: bảo đảm phòng học có diện tích tối thiểu đạt 1,5 m2/chỗ học, có thiết bị âm thanh, nghe nhìn, gồm: Màn chiếu, máy chiếu, máy vi tính, bộ tăng âm, micro kèm loa;  3. Phương tiện, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập ngoài hiện trường, tối thiểu có: 50 áo phản quang, 01 máy đo độ phản quang của biển báo hoặc sơn kẻ đường. | | Khoản 2 Điều 12a Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 ( được sửa đổi bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2018 và Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | 4. Có số giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy ít nhất 40% số lượng chuyên đề của chương trình khung đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ; | | Khoản 3 Điều 12a Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 ( được sửa đổi bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2018 và Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018) |  |
| **5** | **Kinh doanh dịch vụ thẩm tra an toàn giao thông** | | |  |  |
|  |  | **6 điều kiện** | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức và nhân lưc | 1. Cá nhân tham gia thẩm tra an toàn giao thông (sau đây gọi là thẩm tra viên) phải có chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ còn giá trị sử dụng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp.  2. Cá nhân đảm nhận chức danh Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông, ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, còn phải đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đồ án thiết kế ít nhất 03 công trình đường bộ;  3. Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành công trình đường bộ, có thời gian làm việc về thiết kế công trình đường bộ ít nhất 07 năm;  4. Có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành giao thông đường bộ (công trình đường bộ, vận tải đường bộ) và có thời gian ít nhất 10 năm tham gia hoạt động trong các lĩnh vực: Quản lý giao thông, vận tải đường bộ, xây dựng đường bộ, bảo trì đường bộ; trong đó, đã tham gia xử lý an toàn giao thông từ 03 công trình đường bộ trở lên.  5. Nhà thầu tư vấn thực hiện thẩm tra an toàn giao thông phải đáp ứng điều kiện sau: Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A và nhóm B, phải có ít nhất 10 thẩm tra viên; trong đó, tối thiểu có 04 thẩm tra viên là kỹ sư công trình đường bộ, 01 thẩm tra viên là kỹ sư vận tải đường bộ và tối thiểu có 01 thẩm tra viên là người đủ điều kiện làm Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông;  6. Nhà thầu tư vấn thực hiện thẩm tra an toàn giao thông phải đáp ứng điều kiện sau Đối với dự án nhóm C và công trình đường bộ đang khai thác, phải có ít nhất 05 thẩm tra viên; trong đó, tối thiểu có 01 thẩm tra viên là kỹ sư công trình đường bộ, 01 thẩm tra viên là kỹ sư vận tải đường bộ và tối thiểu có 01 thẩm tra viên là người đủ điều kiện làm Chủ nhiệm thẩm tra an toàn giao thông. | | Điều 12 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 (được sửa đổi bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2018 và Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018) |  |
| **II** | **LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** | | | | |
| **1** | **Điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa** | | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | 1. Đơn vị kinh doanh vận tải phải thành lập doanh nghiệp hoặc hợp tác xã theo quy định của pháp luật Việt Nam | | Điều 6 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Điều 1 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP |  |
| **2** | **Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa** | | |  |  |
|  |  | **6 điều kiện** | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | 1. Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa phải thành lập doanh nghiệp hoặc Hợp tác xã theo quy định của pháp luật Việt Nam. | | Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | 2. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, quy trình công nghệ và năng lực thi công phù hợp với chủng loại, kích cỡ phương tiện thủy nội địa được sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. | | Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | 3. Đối với cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi các loại phương tiện có sức chở từ 50 người trở lên; phương tiện không có động cơ nhưng có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên; phương tiện chuyên dùng như ụ nổi, bến nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, khách sạn nổi, tàu cuốc, tàu hút và các loại phương tiện thủy nội địa khác có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên, phải có tối thiểu 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành đóng tàu thủy và 01 kỹ sư chuyên ngành máy tàu thủy;  4. Đối với cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi các loại phương tiện thủy nội địa chở khách từ 13 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính từ 50 sức ngựa đến dưới 135 sức ngựa; phương tiện có chiều dài thiết kế từ 20 m trở lên và có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn; các phương tiện thủy nội địa chuyên dùng như ụ nổi, bến nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút và các loại phương tiện khác có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m, mỗi bộ phận phải có tối thiểu 01 người tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành đóng tàu thủy hoặc cao đẳng nghề chuyên ngành đóng tàu thủy và 01 người tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành máy tàu thủy hoặc cao đẳng nghề chuyên ngành máy tàu thủy;  5. Đối với cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi các loại phương tiện có chiều dài thiết kế dưới 20 m; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính dưới 50 sức ngựa; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa và có sức chở đến 12 người phải có tối thiểu 01 người có chứng chỉ sơ cấp công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy;  6. Đối với cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi các phương tiện đóng bằng gỗ theo kinh nghiệm cổ truyền từ nhiều thế hệ nhân dân ở từng vùng và đã hoạt động an toàn được đăng kiểm công nhận (phương tiện dân gian) là các phương tiện có chiều dài thiết kế dưới 20 m; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính dưới 50 sức ngựa; phương tiện chở hàng trọng tải toàn phần dưới 100 tấn; phương tiện có sức chở dưới 12 người phải có tối thiểu 01 thợ lành nghề có kinh nghiệm trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa đóng bằng gỗ | | Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/2/2015 (được sửa đổi bổ sung bởi Điều 3 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018) |  |
| **3** | **Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa** | | |  |  |
|  |  | **7 điều kiện** | |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực | 1. Tiêu chuẩn của đội ngũ giáo viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.  2. Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn được phân công giảng dạy;  3. Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh hạng nhất từ 36 tháng trở lên. | | Điều 9 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi bởi khoản 1, 2, 3, 5 Điều 2 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | 4. Hệ thống phòng học chuyên môn và phòng thi, kiểm tra phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, bao gồm: Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, phòng học điều khiển phương tiện thủy nội địa, phòng học lý thuyết máy - điện và phòng học thủy nghiệp cơ bản. Phòng thi, kiểm tra có thể được bố trí chung với các phòng học chuyên môn.  **5.** Các xưởng thực hành phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, bao gồm: Xưởng thực hành nguội - cơ khí, thực hành máy - điện.  6. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.  7. Phương tiện thực hành phải có giấy tờ hợp pháp về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị phục vụ hành trình, cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và phải treo biển "Phương tiện huấn luyện" ở vị trí dễ quan sát trong khi huấn luyện. | | Điều 5, 6, 7 Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi bởi khoản 1, 2, 3, 5 Điều 2 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018) |  |
| **III** | **LĨNH VỰC HÀNG HẢI** | | | | |
| **1** | **Đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải** | | |  |  |
|  |  | | **6 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Giảng viên dạy lý thuyết phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với môn học hoặc chuyên ngành được phân công giảng dạy.  2. Giảng viên và huấn luyện viên dạy thực hành phải có Giấy chứng nhận Huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương do Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) hoặc đơn vị được IMO công nhận cấp theo quy định của Công ước STCW; đã đảm nhiệm chức danh trên tàu biển với mức trách nhiệm sỹ quan quản lý theo yêu cầu của từng chương trình đào tạo, huấn luyện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  3. Ngoài các điều kiện quy định tại Nghị định này, các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải còn phải tuân theo các quy định có liên quan của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp. | Điều 5 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 4. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành.  5. Có Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO do tổ chức chứng nhận có thẩm quyền cấp chậm nhất sau 18 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.  6. Có cơ sở dữ liệu điện tử quản lý chứng chỉ nghiệp vụ của thuyền viên hàng hải để tra cứu theo quy định của Công ước STCW chậm nhất sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải. | Điều 5 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| **2** | **Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải** | | |  |  |
| ***2.1*** | ***Dịch vụ thiết lập, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải*** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động. | Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân sự | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 05 năm. | Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 3. Có cơ sở vật chất tối thiểu: có 01 cầu cảng, xưởng sản xuất, bảo trì báo hiệu. | Khoản 13 Điều 5 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.2*** | ***Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. | Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 05 năm. | Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.3*** | ***Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố thông báo hàng hải*** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động. | Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện nhân lực | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 05 năm. | Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 3. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước và phần mềm khảo sát chuyên dụng tự chủ động | Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.4*** | ***Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phục vụ thông báo hàng hải*** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật | Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân sự | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 05 năm. | Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 3. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước và phần mềm khảo sát chuyên dụng. | Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.5*** | ***Dịch vụ Thông báo hàng hải*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động. | Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thông báo hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực hàng hải tối thiểu 05 năm. | Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.6*** | ***Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động | Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 05 năm. | Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.7*** | ***Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. | Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải tối thiểu 05 năm. | Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.8*** | ***Dịch vụ khảo sát, xây dựng, phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải*** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý và vốn | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động. | Điều 13 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm hàng hải phải tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải tối thiểu 05 năm. | Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 3. Có trang thiết bị khảo sát chuyên dùng tối thiểu gồm: máy đo sâu hồi âm; thiết bị xác định tọa độ, độ cao; máy rà quét chướng ngại vật; thiết bị triều ký tự ghi; máy bù sóng; thiết bị đo vận tốc sóng âm trong môi trường nước; phần mềm khảo sát chuyên dụng và phần mềm biên tập, xuất bản hải đồ giấy và hải đồ điện tử. | Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.9*** | ***Dịch vụ thông tin điện tử hàng hải*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý và vốn | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động. | Điều 15 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ thông tin điện tử hàng hải phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các lĩnh vực thông tin hàng hải hoặc điện tử viễn thông và phải có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực thông tin điện tử hàng hải tối thiểu 05 năm | Điều 15 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.10*** | ***Dịch vụ hoa tiêu hàng hải*** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý và vốn | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, do Nhà nước nắm giữ tối thiểu 75% vốn điều lệ. | Điều 17 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Người được giao phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải phải là hoa tiêu ngoại hạng.  3. Có đủ số lượng hoa tiêu tối thiểu đã được cấp giấy chứng nhận vùng hoạt động phù hợp với tuyến dẫn tàu được giao. Số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng được tính căn cứ theo tuyến dẫn tàu, số lượng tàu và trọng tải tàu hoạt động trên tuyến trong 03 năm trước đó (đối với tuyến dẫn tàu mới mở thì số lượng hoa tiêu tối thiểu các hạng được tính căn cứ trên số lượng tàu và trọng tải tàu dự báo hoạt động trên tuyến đó trong 03 năm đầu tiên); số ngày làm việc tối đa hàng năm của người lao động theo quy định của pháp luật, số lượng hoa tiêu tối thiểu trên mỗi tuyến phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ nhu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu và tối thiểu 10% dự trữ trên tổng số hoa tiêu. | Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 3. Số lượng phương tiện tối thiểu để đưa, đón hoa tiêu được xác định căn cứ vào số lượt tàu được dẫn hàng năm của doanh nghiệp hoa tiêu và điều kiện hàng hải tại khu vực dẫn tàu. | Điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***2.11*** | ***Dịch vụ thanh thải chướng ngại vật*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp, được thành lập theo quy định của pháp luật. | Điều 20 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| 2.12 | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 2. Bảo đảm đủ phương tiện và trang thiết bị phù hợp để thanh thải chướng ngại vật và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. | Điều 21 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 |  |
| ***2.13*** | ***Điều kiện kinh doanh dịch vụ nhập khẩu pháo hiệu hàng hải*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. | Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện khác | | 2. Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật. | Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 70/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| **3** |  | | **Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển** |  |  |
| ***3.1*** |  | | ***Kinh doanh vận tải biển quốc tế*** |  |  |
|  |  | | **5 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải biển được thành lập theo quy định của pháp luật (sau đây viết tắt là doanh nghiệp). | Điều 4 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về tài chính | | 2. Phải có bảo lãnh theo quy định của pháp luật với mức tối thiểu là 05 (năm) tỷ Đồng Việt Nam hoặc mua bảo hiểm để bảo đảm nghĩa vụ của chủ tàu đối với thuyền viên theo quy định. | Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 3. Có quyền sử dụng hợp pháp tối thiểu 01 tàu biển; nếu tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. | Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 4. Bộ phận quản lý an toàn theo quy định của Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn (ISM Code); bộ phận quản lý an ninh hàng hải theo quy định của Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code);  5. Người được giao phụ trách lĩnh vực quản lý an toàn, an ninh hàng hải phải được đào tạo, huấn luyện và được cấp chứng chỉ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. | Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***3.2*** |  | | ***Kinh doanh vận tải biển nội địa*** |  |  |
|  |  | | **4 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện chung | | 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải biển được thành lập theo quy định của pháp luật (sau đây viết tắt là doanh nghiệp). | Điều 4 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 2. Có quyền sử dụng hợp pháp tối thiểu 01 tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. | Điều 6 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện khác  (Điều kiện đối với tổ chức nước ngoài tham gia vận chuyển nội địa bằng tàu thuyền mang cờ quốc tịch Việt Nam) | | 3. Tổ chức nước ngoài tham gia vận tải nội địa bằng tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam phải thành lập doanh nghiệp liên doanh theo quy định, trong đó tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp.  4. Thuyền viên nước ngoài được phép làm việc trên tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam hoặc tàu biển được đăng ký tại Việt Nam thuộc sở hữu của các doanh nghiệp liên doanh tại Việt Nam nhưng tổng số thuyền viên nước ngoài không được vượt quá 1/3 định biên của tàu biển; đồng thời, thuyền trưởng hoặc thuyền phó nhất của tàu biển đó phải là công dân Việt Nam | Điều 7 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 |  |
| ***3.3*** | ***Kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển*** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý | | 1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển tại Việt Nam phải được thành lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển, tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp. | Điều 11 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 3. Nhân viên đại lý tàu biển phải là công dân Việt Nam, đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp chứng chỉ chuyên môn về đại lý tàu biển theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. | Điều 12 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| **4** | **Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển** | | |  |  |
|  |  | | **8 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý và vốn | | 1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam phải được thành lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển, tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp. | Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Có người chuyên trách thực hiện kinh doanh, khai thác dịch vụ lai dắt tàu biển đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế.  3. Có người chuyên trách thực hiện công tác pháp chế đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành luật. | Điều 14 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2018 |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 4. Có quyền sử dụng hợp pháp tối thiểu 01 tàu lai dắt; tàu lai dắt phải là tàu thuyền mang cờ quốc tịch Việt Nam. | Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 3 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện khác (Điều kiện đối với tổ chức nước ngoài sử dụng tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam) | | 5. Tổ chức nước ngoài chỉ được sử dụng tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam khi tàu lai dắt mang cờ quốc tịch Việt Nam không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Định kỳ hàng năm, Bộ Giao thông vận tải thông báo về năng lực đội tàu lai dắt mang cờ quốc tịch Việt Nam.  6. Tàu lai dắt mang cờ quốc tịch nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.  7. Tổ chức nước ngoài phải có hợp đồng lai dắt với bên thuê lai dắt của Việt Nam.  8. Tổ chức nước ngoài phải có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc doanh nghiệp lai dắt Việt Nam được ủy quyền tại Việt Nam. | Điều 15 Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2018 |  |
| **5** | **Nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng** | | |  |  |
| ***5.1*** |  | | ***Điều kiện nhập khẩu tàu biển đã qua sửa dụng*** |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện chung | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật; | Điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định 114/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 2. Có bộ phận về an toàn lao động và bảo vệ môi trường; | Điểm b Khoản 1 Điều 7 Nghị định 114/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về vốn | | 3. Có vốn pháp định 50 (năm mươi) tỷ đồng Việt Nam | Điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định 114/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***5.2*** | ***Điều kiện đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 1. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. | Khoản 1 Điều 12 Nghị định 114/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện khác | | 2. Đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. | Khoản 2 Điều 7 Nghị định 114/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| **6** | **Kinh doanh khai thác cảng biển** | | |  |  |
|  |  | | **7 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức quản lý và vốn | | 1. Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật. 2. Trường hợp doanh nghiệp cảng là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh dịch vụ xếp dỡ container thuộc các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển, nhà đầu tư nước ngoài được góp vốn theo quy định của pháp luật, trong đó tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp | Điều 5 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) | Sửa đk 2 theo hướng trừ những doanh nghiệp cảng có vốn đầu tư nước ngoài đã được đăng ký, cấp phép thực hiện dịch vụ xếp dỡ container thuộc các dịch vụ hỗ trợ vận tải biển trước thời điểm Việt Nam gia nhập WTO |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 3. Có bộ phận quản lý an ninh hàng hải theo quy định.  4. Cán bộ an ninh cảng biển được đào tạo, huấn luyện và cấp chứng chỉ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phù hợp với Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code). | Điều 6 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 5. Có đủ cơ sở vật chất, kho, bãi, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng biển; trường hợp cảng biển không có đủ kho, bãi, doanh nghiệp cảng phải có hợp đồng thuê kho, bãi, trừ trường hợp chỉ kinh doanh khai thác bến phao, khu neo đậu, khu chuyển tải, cảng dầu khí ngoài khơi.” | Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện khác | | 6. Đáp ứng các điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ theo quy định của pháp luật.  7. Đảm bảo có đủ các phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển để xử lý theo quy định của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu gây ra mà Việt Nam là thành viên (Công ước MARPOL) và các điều kiện khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. | Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018)  Điều 9 Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| **7** | **Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển** | | |  |  |
| ***7.1*** | ***Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải tàu biển*** | | |  |  |
|  |  | | **9 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Cơ sở đóng tàu phải có bộ phận kỹ thuật và bộ phận kiểm tra chất lượng riêng biệt đáp ứng yêu cầu đóng mới, hoán cải tàu biển, với số lượng cán bộ tối thiểu của mỗi bộ phận, cụ thể như sau:  a) Đối với cơ sở đóng tàu loại 1: 04 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành đóng tàu thủy, 04 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành máy tàu thủy và 02 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành điện tàu thủy;  b) Đối với cơ sở đóng tàu loại 2: 02 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành đóng tàu thủy, 02 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành máy tàu thủy và 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành điện tàu thủy.  2. Cán bộ kỹ thuật và kiểm tra chất lượng phải có tối thiểu 24 tháng kinh nghiệm trong lĩnh vực đóng mới, hoán cải hoặc sửa chữa tàu biển.  3. Cơ sở đóng tàu với thân tàu bằng vật liệu kim loại phải đảm bảo có tối thiểu 05 thợ hàn kim loại, 02 thợ cơ khí, 03 thợ điện và 03 thợ sơn phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển. Thợ hàn kim loại phải có chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển hoặc tương đương.  4. Cơ sở đóng tàu với thân tàu bằng vật liệu phi kim loại phải đảm bảo có tối thiểu 03 thợ chế tạo vỏ tàu thủy, 01 thợ cơ khí, 01 thợ điện và 02 thợ sơn phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển. | Điều 5 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 5. Đảm bảo có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển. | Điều 6 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 |  |
|  | Điều kiện về an toàn | | 6. Đáp ứng các điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ theo quy định của pháp luật. | Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về bảo vệ môi trường | | 7. Đảm bảo có đủ các phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu để xử lý theo quy định của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu gây ra mà Việt Nam là thành viên (Công ước MARPOL) và các điều kiện khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. | Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về hệ thống quản lý chất lượng | | 8. Cơ sở đóng tàu loại 1 phải thiết lập hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương, hệ thống quản lý an toàn và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 hoặc tương đương trong thời gian 12 tháng kể từ ngày đủ điều kiện hoạt động và duy trì áp dụng trong suốt quá trình hoạt động.  9. Cơ sở đóng tàu loại 2 phải thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bao gồm các quy trình công việc đóng mới và hoán cải tàu biển theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương trong thời gian 12 tháng kể từ ngày đủ điều kiện hoạt động và duy trì trong suốt quá trình hoạt động. | Điều 9 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| ***7.2*** |  | | ***Kinh doanh dịch vụ sửa chữa tàu biển*** |  |  |
|  |  | | **8 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Cơ sở sửa chữa tàu biển phải có bộ phận kỹ thuật và bộ phận kiểm tra chất lượng riêng biệt đáp ứng yêu cầu sửa chữa tàu, mỗi bộ phận phải có tối thiểu 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành đóng tàu thủy, 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành máy tàu thủy và 01 người có trình độ trung cấp chuyên ngành hoặc cao đẳng nghề điện tàu thủy.  2. Cán bộ kỹ thuật và kiểm tra chất lượng phải có tối thiểu 12 tháng kinh nghiệm trong lĩnh vực đóng mới, hoán cải hoặc sửa chữa tàu biển.  3. Cơ sở sửa chữa tàu với thân tàu bằng vật liệu kim loại phải đảm bảo có tối thiểu 03 thợ hàn kim loại, 01 thợ cơ khí, 01 thợ điện và 02 thợ sơn phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển. Thợ hàn kim loại phải có chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển hoặc tương đương.  4. Cơ sở sửa chữa tàu với thân tàu bằng vật liệu phi kim loại phải đảm bảo có tối thiểu 02 thợ chế tạo vỏ tàu thủy, 01 thợ cơ khí, 01 thợ điện và 01 thợ sơn phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển. | Điều 10 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 |  |
|  | Điều kiện cơ sở vật chất | | 5. Đảm bảo có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển. | Điều 11 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 |  |
|  | Điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ | |  |  |  |
|  | Điều kiện về an toàn | | 6. Đáp ứng các điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy, nổ theo quy định của pháp luật. | Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về bảo vệ môi trường | | 7. Đảm bảo có đủ các phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu để xử lý theo quy định của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường do tàu gây ra mà Việt Nam là thành viên (Công ước MARPOL) và các điều kiện khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. | Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
|  | Điều kiện về hệ thống quản lý chất lượng | | 8. Cơ sở sửa chữa tàu biển phải thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bao gồm các quy trình công việc sửa chữa tàu biển theo tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương trong thời gian 12 tháng kể từ ngày đủ điều kiện hoạt động và duy trì trong suốt quá trình hoạt động | Điều 14 Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018) |  |
| **IV** | **LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN ĐƯỜNG BỘ** | | | | |
| **1** | **Kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới** | | |  |  |
|  |  | | **12 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Mỗi dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 03 đăng kiểm viên, trong đó có ít nhất một đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.  2. Có phụ trách dây chuyền kiểm định. Mỗi phụ trách dây chuyền kiểm định chỉ được phụ trách tối đa hai dây chuyền kiểm định.  3. Có lãnh đạo đơn vị đăng kiểm và nhân viên nghiệp vụ đáp ứng các quy định tại Nghị định này. | Điều 7 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 |  |
|  | Điều kiện về năng lực sản xuất | | 4. Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m2;  5. Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m2;  6. Đối với đơn vị đăng kiểm có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m2;  7. Đối với đơn vị đăng kiểm có từ 03 (ba) dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m2.  8. Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 30 x 4 x 3,5 (m);  9. Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 36 x 5 x 4,5 (m);  10. Đối với xưởng kiểm định có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền kiểm định không nhỏ hơn 4 m và khoảng cách từ tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5 m;  11. Đối với trường hợp dây chuyền kiểm định bố trí tại nhiều xưởng kiểm định thì tổng chiều dài tối thiểu các xưởng kiểm định phải bằng chiều dài tương ứng với loại dây chuyền quy định tại điểm a, điểm b khoản này.  12. Dây chuyền kiểm định phải được bố trí, lắp đặt các thiết bị kiểm tra và dụng cụ kiểm tra phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Giao thông vận tải ban hành, đảm bảo kiểm tra được đầy đủ các hệ thống, tổng thành, chi tiết của xe cơ giới tham gia giao thông để đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật giao thông đường bộ. | Điều 6 Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 |  |
| **2** | **Kinh doanh dịch vụ bảo hành bảo dưỡng xe ô tô** | | |  |  |
|  |  | | **9 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực | | 1. Có đội ngũ nhân lực và hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo chất lượng cho việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô. | Khoản 6 Điều 21 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) |  |
|  | Điều kiện về năng lực sản xuất | | 2. Nhà xưởng được xây dựng trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp.  3. Mặt bằng, nhà xưởng đảm bảo phục vụ việc thực hiện bảo hành, bảo dưỡng.  4. Có các khu vực thực hiện các công việc tiếp nhận, bàn giao, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra xuất xưởng, có nhà điều hành, kho linh kiện, phụ kiện, khu vực rửa xe đáp ứng được công việc.  5. Có đầy đủ các dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô.  6. Các trang thiết bị đo lường phục vụ công việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đo lường.  7. Có thiết bị chẩn đoán động cơ, tình trạng kỹ thuật của xe (đối với ô tô có trang bị bộ điều khiển điện tử) phù hợp với các loại xe do cơ sở thực hiện bảo hành, bảo dưỡng.  8. Phần mềm thiết bị chẩn đoán phải tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ.  9. Có cam kết về việc hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp linh kiện, phụ kiện phục vụ việc bảo hành, bảo dưỡng ô tô của doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước (trong trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng cho doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước); hoặc doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô nước ngoài (trong trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng cho doanh nghiệp nhập khẩu ô tô). | Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7 Điều 21 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) |  |
| **V** | **LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT** | | | | |
| **1** | **Kinh doanh vận tải đường sắt** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Có bộ phận phụ trách công tác an toàn vận tải đường sắt.  2. Có ít nhất 01 người phụ trách công tác an toàn có trình độ đại học về chuyên ngành vận tải đường sắt và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp về quản lý, khai thác vận tải đường sắt.  3. Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kỹ thuật khai thác vận tải phải có trình độ đại học và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc về khai thác vận tải đường sắt. | Điều 21 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 |  |
| **2** | **Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Có bộ phận phụ trách công tác an toàn. Người phụ trách bộ phận an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt phải có trình độ đại học về chuyên ngành xây dựng công trình đường sắt và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.  2. Có ít nhất 01 người quản lý doanh nghiệp có trình độ đại học và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt. | Khoản 1, 2 Điều 20 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 3. Kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc trách nhiệm quản lý của doanh nghiệp phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. | Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 |  |
| **3** | **Kinh doanh đường sắt đô thị** | | |  |  |
|  |  | | **5 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Hệ thống đường sắt đô thị khi được đưa vào kinh doanh, khai thác phải có chứng nhận an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật.  2. Có bộ phận phụ trách công tác an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt, công tác an toàn vận tải đường sắt, trong đó:  a) Người phụ trách bộ phận an toàn kết cấu hạ tầng đường sắt có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;  b) Người phụ trách bộ phận an toàn vận tải đường sắt có trình độ từ đại học trở lên và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực khai thác vận tải đường sắt.  3. Có ít nhất 03 người quản lý, điều hành doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên, trong đó:  a) 01 người có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp một trong các lĩnh vực: Xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;  b) 01 người có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực khai thác vận tải đường sắt;  c) 01 người có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp về quản lý, vận dụng, sửa chữa đầu máy, toa xe;  4. Đối với các tuyến đường sắt đô thị lần đầu tiên đưa vào khai thác, trong thời gian 03 năm kể từ thời điểm bắt đầu khai thác mà chưa bố trí được nhân lực có điều kiện về số năm kinh nghiệm công tác theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong 03 năm đầu khai thác phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt phải có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành xây dựng công trình đường sắt, có bằng hoặc chứng chỉ đào tạo chuyển giao công nghệ về quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt của tuyến đường sắt đô thị được giao quản lý;  b) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý khai thác vận tải đường sắt phải có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành khai thác vận tải đường sắt hoặc kinh tế - vận tải đường sắt, có bằng hoặc chứng chỉ đào tạo chuyển giao công nghệ về quản lý, khai thác vận tải của tuyến đường sắt đô thị được giao quản lý;  c) Người được giao chịu trách nhiệm chính về quản lý đầu máy, toa xe phải có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành đầu máy, toa xe, có bằng hoặc chứng chỉ đào tạo chuyển giao công nghệ về đầu máy, toa xe đường sắt đô thị được giao quản lý. | Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 |  |
|  | Điều kiện về an toàn | | 5. Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị phải có đầy đủ các biện pháp đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành, khai thác. | Khoản 5 Điều 22 Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 |  |
| **VI** | **LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG** | | | | |
| **1** | **Kinh doanh vận tải hàng không** | | |  |  |
|  |  | | **11 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 1. Có phương án bảo đảm có tàu bay khai thác 2. Số lượng tàu bay duy trì trong suốt quá trình kinh doanh vận tải hàng không tối thiểu là 03 tàu bay đối với kinh doanh vận chuyển hàng không; tối thiểu là 01 tàu bay đối với kinh doanh hàng không chung | Điều 6 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
|  | Điều kiện về nhân sự | | 1. Có tổ chức bộ máy thực hiện hệ thống quản lý an toàn, an ninh, hoạt động khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay, khai thác mặt đất. 2. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách trong hệ thống quản lý an toàn, an ninh, khai thác tàu bay, bảo dưỡng tàu bay, huấn luyện bay phải có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm công tác liên tục trong lĩnh vực được bổ nhiệm, có văn bằng, chứng chỉ được cấp hoặc công nhận theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng. 3. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, số thành viên là người nước ngoài không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên tham gia bộ máy điều hành. Bộ máy điều hành để tính tỷ lệ theo yêu cầu của khoản này gồm:   a) Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc);  b) Kế toán trưởng;  c) Người phụ trách các lĩnh vực: hệ thống quản lý an toàn; khai thác tàu bay; bảo dưỡng tàu bay; huấn luyện tổ bay và người giữ chức vụ tương đương xác định theo bộ máy tổ chức của doanh nghiệp. | Điều 7 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
|  | Điều kiện về vốn | | 6. Mức vốn tối thiểu (bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn vay) để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng không:  a) Khai thác đến 10 tàu bay: 300 tỷ đồng Việt Nam;  b) Khai thác từ 11 đến 30 tàu bay: 600 tỷ đồng Việt Nam;  c) Khai thác trên 30 tàu bay: 700 tỷ đồng Việt Nam.  7. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp kinh doanh hàng không chung: 100 tỷ đồng Việt Nam.  8. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng Nhà đầu tư nước ngoài chiếm không quá 34% vốn điều lệ;  9. Doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng không có vốn đầu tư nước ngoài Phải có ít nhất một cá nhân Việt Nam hoặc một pháp nhân Việt Nam giữ phần vốn điều lệ lớn nhất;  10. Trường hợp pháp nhân Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài góp vốn thì phần vốn góp nước ngoài chiếm không quá 49% vốn điều lệ của pháp nhân. | Điều 8 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
|  | Điều kiện khác | | 11. Có phương án kinh doanh và chiến lược phát triển gồm các nội dung: đánh giá nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường; đánh giá thực tiễn và mức độ cạnh tranh dịch vụ được cung cấp trên thị trường; chiến lược phát triển sản phẩm vận chuyển hàng không, chiến lược phát triển đội tàu bay và kế hoạch phát triển kinh doanh của 05 năm đầu kể từ ngày khai thác. | Điều Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
| **2** | **Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại VN** | | |  |  |
| ***2.1*** | ***Điều kiện cung cấp dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, cánh quạt và trang bị tàu bay tại Việt Nam*** | | |  |  |
|  |  | | **1 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 1. Có tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng | Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
| ***2.2*** | ***Điều kiện của cơ sở thiết kế, sản xuất hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại VN*** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 1. Có tài liệu giải trình tổ chức thiết kế, sản xuất hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay tại Việt Nam chứng minh năng lực của tổ chức  2. Có quy trình chế tạo, thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng, thử nghiệm | Điều 22 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
| **3** | **Kinh doanh cảng hàng không, sân bay** | | |  |  |
|  |  | | **2 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 1. Có tài liệu giải trình việc đáp ứng các điều kiện về bảo đảm an toàn, an ninh hàng không quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật hàng không dân dụng Việt Nam và Phụ ước 14 của Công ước quốc tế về hàng không dân dụng. | Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
|  | Điều kiện về vốn | | 1. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp: 100 tỷ đồng Việt Nam; tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ. | Khoản 12Điều 14 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
| **4** | **Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện chung | | 1. Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 65 Luật HKĐVN và được Cục HKVN thẩm định, đánh giá theo phân ngành dịch vụ tương ứng | Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
|  | Điều kiện về vốn | | 2. Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay:  a) Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách: 30 tỷ đồng Việt Nam;  b) Cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa: 30 tỷ đồng Việt Nam;  c) Cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không: 30 tỷ đồng Việt Nam.   1. Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa, dịch vụ xăng dầu hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, dịch vụ khai thác khu bay, tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài không được quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp | Khoản 2, 3 Điều 16 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) | Đề xuất nghiên cứu cắt giảm điều kiện về vốn |
| **5** | **Kinh doanh dịch vụ cung cấp bảo đảm hoạt động bay** | | |  |  |
|  |  | | **3 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 1. Hệ thống kỹ thuật, thiết bị khi đáp ứng các yêu cầu về hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị, quy trình khai thác đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không dân dụng | Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
|  | Điều kiện về vốn | | 1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ không lưu, dịch vụ thông báo tin tức hàng không, dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn phải là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước 2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin dẫn đường giám sát, dịch vụ khí tượng hàng không có tỷ lệ vốn nhà nước không được thấp hơn 65% vốn điều lệ và tỷ lệ vốn góp của cá nhân, tổ chức nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp. | Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
| **6** | **Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không** | | |  |  |
|  |  | | **5 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Phải bảo đảm đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy. 2. Giáo viên chuyên ngành hàng không phải có chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy. 3. Có nghiệp vụ sư phạm theo pháp luật về giáo dục hoặc giáo dục nghề nghiệp. | Điều 26 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
|  | Điều kiện về cơ sở vật chất | | 1. Có tài liệu giải trình cơ sở vật chất đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hàng không theo quy định do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. 2. Có tài liệu giải trình chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu đào tạo huấn luyện theo quy định do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. | Điều 25 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019) |  |
| **VI** | **LĨNH VỰC KHÁC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ** | | | | |
| **1** | **Kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức** | | |  |  |
|  |  | | **4 điều kiện** |  |  |
|  |  | | ***Doanh nghiệp, hợp tác xã Việt Nam, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam***  1. Duy trì tài sản tối thiểu tương đương 80.000 SDR hoặc có bảo lãnh tương đương hoặc có phương án tài chính thay thế theo quy định của pháp luật;  2. Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh tương đương.  ***Doanh nghiệp của các quốc gia là thành viên Hiệp định khung ASEAN về vận tải đa phương thức hoặc***  1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vận tải đa phương thực quốc tế hoặc giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước đó cấp;  2 Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp vận tải đa phương thức hoặc có bảo lãnh tương đương. | Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 |  |
| **2** | **Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng nguy hiệm** | | |  |  |
| ***2.1*** | ***Vận chuyển hàng nguy hiểm trên đường thủy nội địa*** | | |  |  |
|  |  | | **11 điều kiện** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Thuyền viên làm việc trên phương tiện vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải được đào tạo và có chứng chỉ chuyên môn đặc biệt về vận tải hàng hoá nguy hiểm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  2. Người thủ kho, người áp tải, người xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm trên phương tiện và tại cảng, bến thủy nội địa phải được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn về loại hàng hoá nguy hiểm do mình áp tải, xếp, dỡ hoặc lưu kho bãi theo quy định. | Điều 12 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 |  |
|  | Điều kiện về phương tiện | | 3. Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật.  4. Phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm phải dán biểu trưng hàng hóa nguy hiểm. Nếu trên một phương tiện có nhiều loại hàng hóa nguy hiểm khác nhau thì phương tiện phải dán đủ biểu trưng của các loại hàng hóa đó. Vị trí dán biểu trưng ở hai bên của phương tiện.  5. Phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm, sau khi dỡ hết hàng hóa nguy hiểm nếu không tiếp tục vận tải loại hàng hóa đó thì phải được làm sạch và bóc hoặc xóa biểu trưng nguy hiểm trên phương tiện vận chuyển hàng hoá nguy hiểm. Việc làm sạch và bóc hoặc xóa biểu trưng nguy hiểm trên phương tiện được thực hiện theo quy trình và ở nơi quy định. | Điều 13 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 |  |
|  | Điều kiện về xếp dỡ | | 6. Người xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm phải thực hiện xếp, dỡ hàng hóa nguy hiểm theo quy định.  7. Việc xếp, dỡ hàng hoá nguy hiểm phải do người thủ kho, người thuê vận tải hoặc người áp tải trực tiếp hướng dẫn và giám sát; thuyền trưởng quyết định sơ đồ xếp hàng hóa nguy hiểm trên phương tiện và việc chèn lót, chằng buộc phù hợp tính chất của từng loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm. Không xếp chung các loại hàng hóa có thể tác động lẫn nhau làm tăng mức độ nguy hiểm trong cùng một khoang hoặc một hầm hàng của phương tiện.  8. Trường hợp vận chuyển hàng hoá nguy hiểm không quy định phải có người áp tải thì người vận tải phải thực hiện xếp, dỡ hàng hóa theo chỉ dẫn của người thuê vận tải.  9. Đối với loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm quy định phải xếp, dỡ, lưu giữ ở nơi riêng biệt thì việc xếp, dỡ phải thực hiện tại khu vực cầu cảng, bến, kho riêng biệt.  10. Sau khi đưa hết hàng hóa nguy hiểm ra khỏi kho, bãi thì nơi lưu giữ hàng hóa nguy hiểm phải được làm sạch để không ảnh hưởng tới hàng hóa khác theo đúng quy trình quy định. | Điều 14 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 |  |
| ***2.2*** |  | | ***Vận chuyển hàng nguy hiểm trên đường bộ*** |  |  |
|  | Điều kiện về nhân lực | | 1. Người điều khiển phương tiện vận chuyển hàng hoá nguy hiểm phải được tập huấn và được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn theo quy định.  2. Người thủ kho, người áp tải, người xếp, dỡ hàng hoá nguy hiểm phải được tập huấn và cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình tập huấn về loại hàng hoá nguy hiểm do mình áp tải, xếp, dỡ hoặc lưu kho bãi theo quy định. | Điều 8 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 |  |
|  | Điều kiện về phương tiện | | 3. Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật. Thiết bị chuyên dùng của phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành.  4. Phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm phải dán biểu trưng hàng hóa nguy hiểm. Nếu trên một phương tiện có nhiều loại hàng hóa nguy hiểm khác nhau thì phương tiện phải dán đủ biểu trưng của các loại hàng hóa đó. Vị trí dán biểu trưng ở hai bên và phía sau của phương tiện.  5. Phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm, sau khi dỡ hết hàng hóa nguy hiểm nếu không tiếp tục vận tải loại hàng hóa đó thì phải được làm sạch và bóc hoặc xóa biểu trưng nguy hiểm trên phương tiện vận chuyển hàng hoá nguy hiểm. Việc làm sạch và bóc hoặc xóa biểu trưng nguy hiểm trên phương tiện được thực hiện theo quy trình và ở nơi quy định. | Điều 9 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 |  |
|  | Điều kiện về xếp, dỡ hàng hóa | | 6. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xếp, dỡ hàng hoá nguy hiểm trên phương tiện vận chuyển và lưu kho, bãi phải tuân thủ đúng chỉ dẫn về bảo quản, xếp, dỡ, vận chuyển của từng loại hàng hoá nguy hiểm hoặc trong thông báo của người thuê vận tải.  7. Việc xếp, dỡ hàng hoá nguy hiểm phải do người thủ kho, người thuê vận tải hoặc người áp tải trực tiếp hướng dẫn và giám sát. Không xếp chung các loại hàng hóa có thể tác động lẫn nhau làm tăng mức độ nguy hiểm trong cùng một phương tiện. Đối với loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm quy định phải xếp, dỡ, lưu giữ ở nơi riêng biệt thì việc xếp, dỡ phải thực hiện tại khu vực kho, bến bãi riêng biệt.  8. Trường hợp vận chuyển hàng hoá nguy hiểm không quy định phải có người áp tải thì người vận tải phải thực hiện xếp, dỡ hàng hóa theo chỉ dẫn của người thuê vận tải.  9. Sau khi đưa hết hàng hóa nguy hiểm ra khỏi kho, bãi thì nơi lưu giữ hàng hóa nguy hiểm phải được làm sạch để không ảnh hưởng tới hàng hóa khác theo đúng quy trình quy định | Điều 10 Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 |  |